

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 7 - 2019.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị N và anh L.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**

- Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Hoàng Văn Đăng
 - Ông Nguyễn Quang Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 78/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Mai Thị N**, sinh năm: 1977

Địa chỉ cư trú: Tổ 31 Xuân Thiều, phường H, quận K, Thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị P-** là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư X- Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- ***Bi đơn:*** Anh **Nguyễn Xuân L**, sinh năm: 1975

Địa chỉ cư trú: Số 228 Nguyễn Văn Cừ, xã Y, Thành phố Z, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ: Thôn 11, xã M, huyện B, tỉnh Lâm
Đông.

(Chi N, anh L và luật sư P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị N, bị đơn anh Nguyễn Xuân L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thị xã Z (nay là Thành phố Z), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/4/1997, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị N và anh L đều cho rằng vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên khi chung sống với nhau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 1998 đến nay. Nay chị N và anh L đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh L đều thống nhất yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân C1, sinh ngày 26/01/1998. Chị N và anh L đều cho rằng cháu C1 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh L thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Mai Thị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Mai Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “*Ly hôn*” với anh Nguyễn Xuân L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Mai Thị N, bị đơn anh Nguyễn Xuân L và luật sư Hồ Thị P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Mai Thị N, anh Nguyễn Xuân L và luật sư Hồ Thị P là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thị xã Z (nay là Thành phố Z), tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/4/1997, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị N và anh L đều cho rằng vợ chồng chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn nên khi chung sống với nhau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 1998 đến nay. Nay chị N và anh L đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến nay đã rất trầm trọng, chị N và anh L không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh L đều yêu cầu được ly hôn. Việc yêu cầu ly hôn của anh Thanh và chị Trang là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; xử cho chị N được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân C1, sinh ngày 26/01/1998. Chị N và anh L đều cho rằng cháu C1 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh L thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị N phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N đối với anh Nguyễn Xuân L về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Mai Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

2/ Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân C1, sinh ngày 26/01/1998. Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Xuân L đều cho rằng cháu C1 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí: Chị Mai Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00012877 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Mai Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- UBND phường T, TP Z;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

